

PHẬT GIÁO DÂN GIAN:

Con đường nhập thế của Phật giáo Việt Nam

NGUYỄN THỊ MINH NGỌC^(*)

Phật giáo có mặt tại Việt Nam từ hơn 2000 năm trước. Mốc lịch sử này tuy không phải là duy nhất và lâu đời nhất cho sự xuất hiện của Phật giáo tại Việt Nam nhưng là mốc thời gian được nhiều nhà nghiên cứu Phật giáo chấp nhận. Theo đó, Phật giáo có mặt tại Việt Nam vào khoảng thế kỉ II sau Công nguyên. Sự kiện Phật giáo vào Việt Nam được minh chứng bằng sự hình thành trung tâm Phật giáo Luy Lâu (Dâu) thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh ngày nay. Trung tâm Phật giáo Luy Lâu được nhắc đến như là một trung tâm Phật giáo lớn thời kì đó không chỉ của Việt Nam mà còn ảnh hưởng tới Phật giáo Trung Quốc. Tại đây, nhiều nhà trí thức Phật giáo lớn như Khương Tăng Hội, Mâu Tử... đã từng tu hành và viết, dịch nhiều kinh sách. Sự phát triển của hệ thống kinh sách và sự có mặt của các nhà sư bác học mang đến cho Phật giáo Dâu đặc tính của Phật giáo bác học. Cuốn *Việt Nam Phật giáo sử luận* của tác giả Nguyễn Lang có viết về sự kiện này như sau: “Tại trung tâm Luy Lâu, việc sáng tác được chú trọng sớm hơn ở các trung tâm khác. Như ta đã biết, Mâu Tử viết *Lý học luận* là cuốn sách sáng tác về đạo Phật cổ nhất mà ta hiện có bằng Hán tự. Khương Tăng Hội cũng chú trọng nhiều về sáng tác: biên tập cuốn *Lục độ Yết mục*, sáng tác

Nê Hoàn Phạm Bối, chú giải các kinh *An Ban Thủ*, *Pháp Cảnh* và *Đạo thọ* cùng viết bài tựa cho ba kinh này (*Cao Tăng truyện*)”⁽¹⁾.

Bên cạnh tính bác học sâu sắc, Phật giáo Dâu vẫn mang nặng tính dân gian ngay từ buổi đầu hình thành. Sự hình thành trung tâm Dâu gắn liền với câu chuyện nhà sư Ấn Độ Khâu Đà La và nữ Phật tử Man Nương. Câu chuyện này được nhắc đến trong nhiều tư liệu như: *Cổ Châu Pháp Vân bản hạnh ngữ lục*, *Lĩnh nam chích quái*, *Việt điện u linh*... Mỗi văn bản có sự sai lệch đôi chút nhưng nội dung câu chuyện là thống nhất. Câu chuyện kể về nhà sư Ấn Độ Khâu Đà La đến đây tu hành. Ông có phép tu đứng một chân. Ở đó có cô gái tên là Man Nương vốn không được thông minh như những người khác nhưng lại có tâm theo đạo Phật nên đảm nhận công việc bếp núc hàng ngày nấu đồ ăn cho các sư. Một đêm, nồi cháo nấu đã xong mà các sư tụng kinh chưa dứt, Man Nương bèn ngồi tựa vào bậc cửa nghe kinh, không ngờ ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Khâu Đà La mãi buổi tụng đi ra ngoài bước qua bụng Man Nương. Không

*. ThS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1992, tập I, tr. 43.

ngờ Man Nương sau mang thai, xấu hổ bỏ chùa đi. Đến ngày sinh thì được một bé gái, mang về trả cho Khâu Đà La. Khâu Đà La mang con ra gốc cây Dung thụ, thân cây bèn nứt ra, ông đặt đứa con vào, thân cây từ từ khép lại. Sau đó, ông trao lại cho Man Nương một cây gậy và dặn rằng khoảng 2 năm sau vùng này sẽ có hạn hán, lúc đó mang gậy ra chọc xuống đất sẽ có nước. Rồi ông bỏ đi. Thời gian sau, vùng này bị hạn hán khô cạn. Man Nương theo lời dặn mang gậy ra chọc xuống đất lấy nước cứu dân. Nước tràn về cuốn trôi cả cây mà Khâu Đà La gửi đứa con vào đó năm nào. Trai làng được huy động kéo cây lên cho nước chảy nhưng bao nhiêu người cũng không kéo nổi. Man Nương ra bờ sông tung dải yếm kéo, cây bèn trôi vào bờ. Thấy vậy, dân làng lấy gỗ tạc thành bốn pho tượng Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện rước vào bốn chùa Dâu, Dàn, Pháp, Tướng để thờ. Còn đứa con ngày xưa đã hóa thành đá, khi thợ xẻ vô tình chạm cửa vào, hòn đá làm cửa vỡ hết, thợ mộc bèn mang đá vứt xuống sông thấy đá phát sáng sợ quá phải nhờ Man Nương đi thuyền ra vớt đưa về thờ gọi là Thạch Quang Phật.

Tín ngưỡng Tứ Pháp là sự kết hợp hài hòa tư tưởng Phật giáo thời kỳ đầu tại Việt Nam và tín ngưỡng nông nghiệp bản địa. Nó đã mang lại tính dân gian cho Phật giáo Việt Nam, đồng thời cũng thể hiện tư tưởng nhập thế ngay từ buổi đầu của Phật giáo Việt Nam.

Tư tưởng Phật giáo nhập thế là một tư tưởng được bàn nhiều trong các cuộc tranh luận về Phật giáo trong xã hội hiện đại. Các diễn đàn về tư tưởng Nhập thế của Phật giáo được tổ chức tại nhiều nước trên thế giới. Tại Việt Nam, trong 3 ngày từ 18 đến 20 tháng 12 năm 2006, Học

viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức hội thảo với tiêu đề “Phật giáo nhập thế trong thế kỷ XXI”. Đây là hội thảo bàn về tư tưởng nhập thế của Phật giáo trong bối cảnh xã hội của hai nước Việt Nam và Thái Lan. Tham dự hội thảo có 200 tăng, ni và các học giả, nhà nghiên cứu đến từ hai nước Việt Nam và Thái Lan. Đây cũng là lần thứ hai, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức hội thảo với chủ đề trên.

Khái niệm Phật giáo nhập thế được nhìn nhận từ góc độ chức năng, nhiệm vụ của tăng sĩ. Theo đó, tăng, ni ngoài hai nhiệm vụ cơ bản là Học tập giáo pháp thông qua tam tạng kinh điển và Thiên định, còn có các nhiệm vụ khác như: 1. Thể hiện Phật giáo, tức là làm cho con người xã hội hiểu được Phật giáo, một dạng Phật giáo có mối liên hệ thông tin đối với xã hội; 2. Thiên định, quay lại nội tâm; 3. Phật giáo trong đại học, là dạng Phật giáo truyền trao kinh nghiệm, thể hiện tri thức. Đây mới là dạng Phật giáo nhập thế và dạng Phật giáo thứ ba này mới mang tư tưởng của Bồ tát. Đó chính là diện mạo Phật giáo ngày nay trong thế kỷ XXI⁽²⁾.

Hội thảo cũng đã đưa ra các dạng thức của Phật giáo nhập thế xuất phát từ những nhiệm vụ căn bản của tăng ni: “Nếu quý vị thuộc dạng nhập thế, thì sau khi thiên định xuất hiện lòng từ bi đối với thế giới và tự hỏi tại sao mình không giúp những người đang còn khổ đau, những đất nước đang chiến tranh... như vậy là nhập thế xuất phát từ pháp môn thiên

2. Bài hội thảo “Phật giáo nhập thế trong thế kỷ XXI”, có thể truy cập tại: <http://www.buddhismtoday.com/viet/pgvn/photgiaonhapthe.htm>

định về lòng từ ái. Phật giáo nhập thế cũng là một bộ phận của việc nghiên cứu giáo pháp. Phát khởi suy nghĩ tại sao không đi vào cuộc đời để giúp cuộc đời, vì lợi ích nhân sinh. Vì vậy chúng ta có thể học hỏi nghiên cứu giáo pháp để đi giảng dạy. Phật giáo nhập thế cũng là một bộ phận của chương trình Hoàng pháp, đem giáo pháp của Đức Phật đi vào cuộc đời. Phật giáo nhập thế cũng quan tâm chính trị. Đó là hình ảnh Thích Quảng Đức thấy bất công cuộc đời nên Ngài xả thân giúp đời. Ngày nay đối xử bất công xảy ra khắp nơi, mặc dù có lớn nhỏ khác nhau, nó như căn bệnh xã hội. Đề nghị các chính quyền, các tổ chức giúp đỡ người dân thôn quê không có bình đẳng trong đời sống chính trị.

Câu nguyện: cũng là một hình thức nhập thế, Nam tông: Thiên định, tuy thấy xuất thế nhưng mang tính nhập thế, vì không rời khỏi cuộc đời này. Ví dụ: khi chiến tranh Việt Nam chúng tôi cũng cầu nguyện, Bắc tông nguyện độ hết tất cả chúng sanh, chúng sanh trong thế giới này có bao nhiêu thì nguyện độ hết cả.

- Phật giáo nhập thế còn quan tâm vấn đề giống tình trùng và nạo phá thai, trong vấn đề này có liên quan vấn đề giết người ít đau đớn. Đó là những vấn đề thời đại mà Phật giáo nhập thế phải hoàn tất”.

Như vậy định nghĩa Phật giáo nhập thế chính là Phật giáo Từ bi. Phật giáo đáp ứng, đối mặt với khổ đau của người dân đó là dạng Phật giáo Bồ tát đạo, mang tâm hồn của vị Bồ tát.

Phật giáo nhập thế ngoài nghĩa từ bi còn có nghĩa Phật giáo áp dụng, tức là áp dụng những gì đã học đã thiên định, những trí tuệ của thiên định áp dụng vào tình thế, điều kiện cụ thể của con người trong xã hội mà chúng ta đang sống. Khi

áp dụng như vậy, tín đồ Phật giáo cũng tự phát triển tâm hạnh của mình.

Phật giáo nhập thế quan tâm 4 phương diện:

- 1) Phương diện giáo dục
- 2) Phương diện chính trị
- 3) Phương diện xã hội
- 4) Phương diện kinh tế⁽³⁾.

Như vậy, hai đặc điểm cơ bản của tính nhập thế của Phật giáo là tư tưởng từ bi và tính đặc dụng khi áp dụng các tư tưởng, quan niệm Phật giáo vào giải quyết các vấn đề xã hội. Phật giáo dân gian đi ngược với dòng Phật giáo bác học không đi sâu vào những triết lí cao siêu như vô ngã, giải thoát... mà xuất phát từ tư tưởng chủ đạo là triết lí từ bi đã thực sự đáp ứng được yêu cầu nhập thế của Phật giáo. “Trong quan niệm Phật giáo, từ là tâm yêu thương luôn đem lại niềm vui cho tất cả chúng sinh. Bi là tâm thương xót, san sẻ bớt niềm đau của muôn loài. Đạo Phật được coi là đạo từ bi bởi phương châm cứu độ chúng sinh bằng mọi phương tiện và mọi hình thức. Người tu theo Phật hi sinh đời mình để mưu cầu hạnh phúc cho chúng sinh, và mở tâm lượng bao la bao trùm tất cả mọi loài trong tình yêu thương bình đẳng”⁽⁴⁾.

Từ bi của Phật giáo dân gian được diễn đạt theo lối dân gian là cứu khổ cứu nạn. Hình tượng đặc trưng cho sự *cứu khổ cứu nạn* là hình tượng Quán Thế Âm Bồ tát. Về phần Quán Âm, *Từ điển Phật học* của Chân Nguyên và Nguyễn Tường Bách có

3. Bài hội thảo “Phật giáo nhập thế trong thế kỉ XXI”, đã dẫn.

4. Vô ngã, vô ưu, thiên quán về đạo Phật, ni sư Ayya Khema, Diệu Liên Lý Thu Linh dịch, Wisdom Publication, 1987, <http://zencomp.com/greatwisdom/uni/u-vonga-vo-uu/vnvv05.htm>.

viết: “Quan Âm, J:Kannon, nguyên nghĩa là Quán Thế Âm, nhưng do tránh tên vua nhà Đường là Thế Dân, nên gọi là Quan Âm hay Quán Âm”⁽⁵⁾. Quan Âm được thờ tại Việt Nam với nhiều hóa thân khác nhau như Quan Âm Tọa Sơn, Quan Âm Tống Tử, Quan Âm Nam Hải, Quan Âm Chuẩn Đề, Quan Âm Nghìn mắt nghìn tay, Quan Âm lục chi... và Quan Âm trong bộ A Di Đà tam tôn (A Di Đà tam tôn gồm ba tượng A Di Đà đứng giữa và hai bên là Quán Thế Âm và Đại Thế Chí). Tuy nhiên, hình ảnh Quan Âm của Phật giáo dân gian là hình ảnh Phật bà Quan Âm nên không gồm hình tượng Quan Âm của bộ A Di Đà tam tôn. Vị Phật Quan Âm với tên gọi đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ tát là vị thần chủ đạo của Phật giáo dân gian Việt Nam. Mặc dù, hình thái tôn thờ Quan Thế Âm có khác nhau nhưng hầu hết tượng Quan Âm đều toát lên được điểm chung là tâm nguyện từ bi, hạnh kiên nhẫn lắng nghe, và đồng cảm với nỗi đau khổ của chúng sinh và sự thể hiện tinh thần cứu chúng sinh nhân loại. Cho dù với hóa thân nào, thì thông điệp mà Bồ tát Quán Thế Âm mang đến là tình thương, lòng nhẫn nại cứu giúp chúng sinh. Nơi nào có người chuyên tâm chú niệm danh hiệu Quan Thế Âm thì người ấy đã tự đánh thức bản tâm từ bi trong chính con người họ và từ đó Quan Thế Âm hiện ra trong chính họ. Nói tóm lại, hạnh nguyện từ bi của Quán Thế Âm là bao la vô tận. Nơi nào có khổ đau, tai nạn, nơi nào có phát ra tiếng xưng niệm danh hiệu Quán Thế Âm chí thành tha thiết thì nơi ấy có sự hiện diện của Ngài để giải trừ tất cả khổ đau và tai nạn.

Xuất phát từ triết lý chủ đạo là từ bi và tinh thần cứu độ chúng sinh làm nền tảng, Phật giáo dân gian nhìn hệ thống Phật là một hệ thống gồm các đấng siêu

nhiên. Các vị này với lòng từ bi sẽ dùng những năng lực siêu nhiên của mình để cứu độ chúng sinh. Đối với Phật giáo dân gian, niềm tin là yếu tố nổi bật. Người đi lễ có niềm tin tuyệt đối vào các vị Phật, tin vào những tha lực được các vị Phật ban xuống đáp ứng lời cầu xin của họ hay để ban phúc giáng họa. Nếu Phật giáo bác học tìm vào triết lý sống, lý tưởng sống của các vị Phật mà nương theo thì Phật giáo dân gian lại tin vào sự cứu độ mà không quan tâm đến triết lý hay lý tưởng sống. Ở Phật giáo bác học cách hành đạo là theo điều Phật dạy để tâm hòa vào tâm Phật sống đời sống Phật thì ở Phật giáo dân gian lại là cầu xin Phật ban phát điều tốt lành cho cuộc sống hiện tại. Từ đó nảy sinh các hình thức cúng lễ như cúng cầu an, cúng sao giải hạn, cúng cầu siêu, cúng cất tiền duyên, v.v... Chính ở góc độ này, Phật giáo dân gian biểu lộ tính nhập thế của mình đi sâu vào đời sống tâm linh của người dân Việt Nam. Hoạt động của các hình thức cúng lễ hiện nay như sau:

Lễ cầu an

Trong cuốn *Phật tử*, Hoà thượng Thích Thiện Châu viết: Cầu an là thực hành theo lời Đức Phật dạy. Đức Phật dạy: “Người nào muốn phụng sự Như Lai thì hãy săn sóc người bệnh”, do đó, Phật tử đối với người đau ốm bệnh tật phải lưu tâm thăm viếng, săn sóc hỏi han, tùy theo bệnh hết lòng thuốc men giúp đỡ, không nên tin nhầm nhí vào đồng cốt dị đoan. Trong khi tụng kinh, niệm Phật nên rải lòng từ bi đến người bệnh và cầu mong họ được chóng bình phục và an lành”⁽⁶⁾. Đại lễ cầu an ngày nay tại các

5. Chân Nguyên & Nguyễn Tường Bách. *Từ điển Phật học*, Nxb. Thuận Hoá, 1999, tr. 343-344.

6. Thích Thiện Châu. *Phật tử*, Paris, 1996, tr. 110.

chùa Hà Nội mang một ý nghĩa khác hẳn. Lễ cầu an thường được tổ chức vào đầu năm, thường là trong tháng Giêng âm lịch, với mục đích cầu Trời Phật phù hộ đem lại một năm mới tốt lành, bình an cho gia chủ. Lễ cầu an chỉ tiến hành một lần. Kinh thường được tụng trong lễ này là *Di Đà, Bát Nhã, Dược Sư*, v.v...

Ngày nay, cứ đầu năm, các chùa khắp nơi đều tổ chức đại lễ cầu an. Nội dung lễ đa phần giống nhau, nhưng hình thức và quy mô tổ chức mỗi chùa một khác, tùy thuộc vào người trụ trì nhà chùa và số lượng tín đồ tham dự lễ này tại chùa. Thông thường, thời gian tiến hành buổi lễ cầu an là từ 1 đến 2 giờ. Tại Hà Nội, đại lễ cầu an có hai hình thức chủ yếu:

- Tổ chức một lần duy nhất vào một ngày cố định
- Tổ chức nhiều lần vào nhiều ngày khác nhau.

Hình thức tổ chức một lần vào một ngày tức là tất cả tín đồ có nhu cầu làm lễ cầu an cho mình và gia đình tập trung tại chùa theo đúng ngày giờ quy định. Nhà chùa tiến hành làm lễ cầu an, tụng kinh, đốt sớ cầu nguyện cho các tín đồ.

Việc tiến hành đại lễ cầu an vào một ngày duy nhất sẽ tiết kiệm thời gian và chi phí cho nhà chùa. Tuy nhiên, đối với những chùa có số lượng tín đồ đăng kí tham dự đại lễ đông thì việc tập trung một ngày cũng gây nhiều vấn đề rắc rối⁽⁷⁾.

Những chùa tổ chức đại lễ cầu an theo hình thức tổ chức nhiều ngày thì việc tổ chức được chu đáo hơn nhiều. Theo đó, nhà chùa định ra từ 3 - 5 ngày làm lễ. Tín đồ tự mình chọn một ngày phù hợp đăng kí ghi tên tham dự. Cũng có chùa, nếu một nhóm tín đồ yêu cầu, nhà chùa cũng chấp nhận tiến hành làm lễ cho họ. Vì phân chia làm

nhiều ngày như vậy khiến số lượng tín đồ dự lễ trong một ngày giảm đi, nhà chùa có điều kiện cử hành lễ chu đáo hơn như sớ được đọc tên từng người thay vì đọc một lá sớ làm ví dụ. Có chùa sau buổi lễ còn tổ chức mời cơm chay đối với những người tới dự lễ. Sự chu đáo của nhà chùa đem lại tâm trạng an bình, vui vẻ cho người tham dự. Họ đến và ra về trong niềm hân hoan, với niềm tin một năm mới đến với mình toàn niềm vui và hạnh phúc.

Đại lễ cầu an cũng đem lại một nguồn lực kinh tế cho một số chùa, nhất là những chùa có số lượng tín đồ tham dự đông lại chỉ tổ chức một lần. Như chùa Phúc Khánh, mỗi năm đại lễ cầu an có hàng nghìn người tham dự. Mỗi gia đình xin cầu an đóng góp theo quy định là 80.000đ, tức là nhà chùa thu về một số tiền khá lớn.

Lễ cúng sao giải hạn

Các loại sao thường được cúng giải hạn là La Hầu, Kế Đô, Thái Bạch. Các cá nhân gặp năm tiểu hạn vào sao này thường ra chùa làm lễ cúng sao giải hạn. Quy trình một lễ cúng sao tương tự như lễ cầu an. Tùy từng chùa, lễ cúng sao được tiến hành một lần vào đầu năm hay

7. Ví dụ như hàng năm, cứ vào 7.30' tối 14/1 âm lịch, chùa Phúc Khánh, quận Đống Đa tổ chức đại lễ cầu an. Từ 5h chiều cả đoạn đường gần chùa tắc nghẽn ảnh hưởng giao thông công cộng. Người đăng kí tham dự quá đông, chùa lại chật hẹp nên ai muốn có được một chỗ ngồi, nhất là chỗ ngồi trong gian chính điện hay chỉ là nhà tổ cũng phải đi từ 2h - 3h chiều, nhịn đói ngồi chờ. Người nào gần tới giờ làm lễ mới tới chỉ còn cách đứng ngoài đường mà dự lễ. Vào phải ngày mưa phùn gió bắc, những tín đồ mặc áo mưa ngồi ngoài sân hay đứng ngoài đường. Chén được vào dự lễ đã vất vả, tan buổi, chén nhau về còn vất vả hơn nhiều. Chùa trước chỉ có một lối vào duy nhất (năm 2000 mới mở thêm một cổng phía sau) phải đi qua suốt một hành lang hẹp, hàng ngàn người chen lấn, xô đẩy chật cứng đến ngạt thở, làm mất đi không gian yên tĩnh thiêng liêng nơi cửa Phật.

tất các các tháng trong năm. Người muốn được cúng sao giải hạn phải nộp cho chùa một khoản lệ phí tùy thuộc theo yêu cầu từng chùa. Có những chùa, số tiền cúng là tùy tâm, có chùa quy định 120.000đ/người. Tuy rằng lễ cúng sao không đông tin đồ tham dự nhưng nhiều chùa số tiền thu được từ hoạt động này là không nhỏ⁽⁸⁾.

Lễ cầu siêu, lễ đưa vong lên chùa

Lễ cầu siêu, lễ đưa vong lên chùa được thực hiện theo yêu cầu của các gia đình có người thân qua đời.

Lễ cầu siêu thường được thực hiện vào các ngày 35, 49 ngày sau khi mất. Theo quan niệm của người Việt, người mất trong vòng 49 ngày chưa về hẳn thế giới bên kia. Những ngày đó, vong hồn người chết vẫn quanh quẩn trong nhà, nên người Việt từ xưa thường có tục cúng cơm đủ 49 ngày. Sau 49 ngày, vong hồn người chết thực sự rời khỏi người thân về thế giới bên kia. Vào ngày này, người thân trong gia đình lên chùa làm lễ cầu siêu cầu mong cho vong hồn người thân được siêu thoát về đất Phật không phải đày đọa nơi chín tầng địa ngục. Đối với trẻ nhỏ, cầu siêu là mong cho vong hồn đứa trẻ sớm được đầu thai.

Lễ đưa vong lên chùa được thực hiện khi người mất được một thời gian, có thể là 1 hoặc 3 năm. Con cháu người đã mất muốn người thân của mình được về hầu của Phật liền làm lễ đưa vong lên chùa. Sau khi làm lễ, gia chủ đặt một bát hương và hoặc có ảnh người mất hoặc không tại ban vong của chùa làm chỗ trú ngụ cho vong hồn người thân. Từ đó, chùa là nơi vong hồn người thân có thể đi về. Cúng giỗ, con cháu lên chùa thắp nén nhang như làm tại bàn thờ gia tiên. Ngày nay, khi tục hỏa táng được phổ biến, số

người đưa vong lên chùa càng nhiều. Các gia đình thực hiện nghi lễ hỏa táng không chỉ đưa vong lên chùa, mà còn gửi bình tro người thân trên chùa. Lệ phí lễ này tùy thuộc từng chùa, hoặc quy định cụ thể hoặc tùy tâm gia chủ. Có những chùa có hiện tượng bán chỗ để bình tro với giá lên tới một vài triệu đồng.

Khi bát hương người thân được đưa lên chùa, nhiều gia đình ngày nay thực hiện cúng giỗ tại chùa. Có nhiều gia đình làm hàng chục mâm vào ngày giỗ mời anh em, bạn bè lên chùa.

Ngoài ra, cũng có những gia đình mời tăng sư đến nhà cúng lễ khi còn chưa đưa tang. Đến khi đưa tang lại tiếp tục cúng gọi là lễ quy lăng. Nghi thức của lễ này là sau khi hạ huyệt, lấp đất rồi, tăng sư làm lễ cúng Phật độ vong ngay bên mộ hoặc cầu quán gầu đấy. Cúng xong làm lễ chèo thuyền dò để đưa vong vượt biển theo Phật về chốn Tây Phương cực lạc. Tiếp đó, các sư cầm hương đi xung quanh mộ, gọi là đi dung nhan.

Lễ bán khoán

Lễ bán khoán được thực hiện cả ở chùa và đền theo ý muốn của những tín đồ có trẻ nhỏ. Người ta quan niệm rằng những đứa trẻ khó nuôi hay kém ăn, hay ốm nếu được đem bán làm con của Phật, Thánh thì được Phật, Thánh phù hộ dễ nuôi mau lớn, thông minh hơn người. Bán khoán của Phật, Mẫu hay Thánh là tùy thuộc vào căn đứa trẻ thuộc căn nào. Đôi khi nhiều ông bố bà mẹ bán khoán con mình tại các điện tư nhân. Đứa trẻ được bán khoán đến năm 13 tuổi cha mẹ lại phải làm lễ chuộc về. Bán khoán được thực hiện tại tất cả các đền, chùa, tuy nhiên có những đền, chùa có tiếng là bán khoán

8. Người tới cúng sao giải hạn tại chùa Phúc Khánh đầu năm 2004 lên tới 16.000 người.

thiên, nơi đó nhiều ông bố bà mẹ đến gửi con mình cho Phật, Thánh hơn. Chi phí một lễ bán khoán không quá lớn, thường là vài trăm nghìn đồng.

Cắt giải tiền duyên

Tiền duyên (duyên từ kiếp trước) được hiểu là một người nam hoặc nữ trong các kiếp sống trước kia có nặng tình với một người nào đó. Nay đầu thai vào kiếp này mà duyên tình chưa dứt hẳn, nên dù sống ở cõi trần mà vẫn luôn có người bạn duyên nợ cõi giới khác theo sát như hình với bóng.

Một cách giải thích khác về tiền duyên là người cõi giới khác thường vân du khắp chốn. Trên lộ trình vân du, họ bỗng gặp một người trần tục hợp duyên với mình bèn bám theo kết duyên mà người trần không hay biết. Trường hợp khác là người sống đi qua khu vực người chết lúc còn sống họ ở đó, hoặc đi qua nơi chôn cất của họ mà vong hồn họ thấy hợp duyên thì vong hồn bám theo kết duyên. Đặc biệt vong hồn những người chết trẻ thường hay tìm bạn kết duyên.

Đặc điểm chung là người có tiền duyên không ý thức được gì về tiền duyên của mình. Những thầy bói, ông đồng, bà đồng là những người có thể thấy, biết được tiền duyên của người khác và thông báo cho họ. Tiền duyên thường chỉ gây rắc rối trong quan hệ tình cảm nam nữ hay vợ chồng. Hiện nay, người ta quan niệm rằng người bị tiền duyên thường gặp nhiều khó khăn trong kết bạn tâm giao, vợ chồng mà một trong hai người có tiền duyên thì có nhiều bất đồng trong cuộc sống gia đình. Lí do của những rắc rối trên là do người âm phá phách không muốn cho ai chiếm cứ bạn tình của mình.

Để gỡ bỏ rắc rối do tiền duyên đem đến, người có tiền duyên phải làm lễ cắt

giải. Lễ này có thể được tiến hành tại chùa, đền hay điện tư nhân.

Lễ chạy đàn

Chạy đàn thường được tiến hành khi một gia đình gặp rủi ro lớn hay những biến cố mạnh, để tránh tình trạng xấu hơn tiếp tục xảy ra trong gia đình, thân chủ đến xin nhà chùa làm lễ chạy đàn giải hạn.

Chạy đàn không phải chùa nào cũng có thể làm được. Đây là một loại lễ thức phức tạp, đòi hỏi số lượng tăng, sư tham dự đông và thường là các tăng ni có trình độ cao, thời gian tiến hành lễ dài, chi phí cũng rất tốn kém.

Một chùa thường không đủ số lượng tăng sư cần thiết cho một lễ chạy đàn, nên khi tổ chức lễ phải mời các cao tăng của các chùa khác đến cùng tham gia quá trình hành lễ. Tất cả chi phí mời tăng sư cũng như các chi phí khác đều do gia chủ chịu. Một lễ chạy đàn như vậy gia chủ thường phải chịu phí tổn từ 18 đến 30 triệu đồng. Chi phí này là quá lớn so với thu nhập của đại bộ phận người dân Việt Nam.

Theo khảo sát, các gia đình có ban thờ Phật, đặt tượng Phật để thờ tại gia có đến 90% là đặt tượng Quan Âm. Loại tượng Quan Âm thường được dâng để thờ là tượng Quan Âm Nam Hải và Quan Âm Tọa Sơn. Trả lời câu hỏi của chúng tôi về sự lựa chọn hai loại hình tượng này các Phật tử cho biết: Đây là hai loại hình hóa thân của đức Quan Âm phù hợp với căn cơ còn thấp, nhiều ngu dốt của họ. Đức Quan Âm như người mẹ hiền sẽ nghe thấu lời cầu xin của họ và giúp đỡ họ mọi việc trong cuộc sống hàng ngày. Một số người có căn cơ hàng cao hơn mới được phép thờ loại tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay.

Một vài nhận xét

Có thể nói Phật giáo dân gian là dòng Phật giáo được hình thành ngay từ khi Phật giáo truyền vào Việt Nam và tồn tại cho đến ngày nay. Phật giáo dân gian có một vai trò và vị trí vô cùng quan trọng trong đời sống Phật giáo Việt Nam nói riêng và đời sống tâm linh của người Việt nói chung. Nó có được vị trí và vai trò như vậy vì nó là sự thể hiện tinh thần nhập thế của Phật giáo đối với đông đảo quần chúng nhân dân theo Phật giáo. Vai trò nổi bật của Phật giáo dân gian là đáp ứng nhu cầu tôn giáo cho quảng đại quần chúng tín đồ.

Cơ sở nền tảng là triết lí từ bi, từ đó đi đến quan niệm khổ cứu nạn hay cứu nhân độ thế, Phật giáo dân gian trở nên gần gũi và đáp ứng được những yêu cầu của cuộc sống hàng ngày của quảng đại quần chúng tín đồ Phật giáo đã thực sự trở thành một chỗ dựa tinh thần vững chắc cho đời sống tâm linh của người theo đạo Phật. Dưới con mắt của người dân, các vị Phật cũng không được phân biệt rạch ròi từ tên gọi cho đến chức năng mà được gọi chung là Phật. Phật giáo dân gian coi Phật là một đấng có phép thần thông, hiểu biết mọi chuyện trên đời như ông Trời nhưng không ở trên cao nhìn xuống mà rất gần gũi với con người.

Bên cạnh hình ảnh một ông Bụt hay ông Phật là hình ảnh của Phật bà Quan Âm. Phật bà Quan Âm với pháp danh Đại từ Đại bi Cứu khổ Cứu nạn luôn lắng nghe

nỗi đau của chúng sinh để hiện thân cứu giúp thực sự là vị Phật phù hợp với tư tưởng từ bi của Phật giáo dân gian.

Hoạt động nổi bật nhất của Phật giáo dân gian trong giai đoạn hiện nay là các hoạt động cúng lễ. Để đáp ứng nhu cầu của người đi lễ, nhà chùa hiện nay hình thành một hệ thống các dịch vụ nghi lễ. Các dịch vụ nghi lễ này cung cấp các nghi lễ nhằm thỏa mãn nhu cầu cầu mong sự trợ giúp của chúng sinh trong cuộc sống sinh hoạt đời thường. Dịch vụ nghi lễ này phản ánh rõ nét nhất đặc trưng cơ bản của Phật giáo dân gian không quan tâm tới giáo lí hay mục đích rốt ráo của đạo Phật, mà chỉ chú trọng tới *cứu khổ cứu nạn*. Người đi lễ thực hiện hành vi cúng lễ để mong cầu được Phật ban phát những gì đáp ứng cuộc sống đời thường của họ mà phổ biến là cầu sức khỏe, cầu tài lộc, công danh.

Cứ như vậy, Phật giáo dân gian với tinh thần của Phật giáo nhập thế suốt chiều dài lịch sử đã góp phần duy trì, truyền bá đạo Phật tại Việt Nam. Tư tưởng nhập thế và các hoạt động mang tính nhập thế của Phật giáo dân gian giúp cho Phật giáo dân gian thích ứng với nhịp sống xã hội hiện đại. Ở một phương diện nhất định, hoạt động nhập thế của Phật giáo dân gian đóng góp phần mình vào quá trình điều chỉnh hành vi xã hội và xã hội hóa. Nó cũng làm thay đổi một vài thói quen, nếp sống truyền thống của người Việt Nam./.